DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HK1
Khoa Tiếng Nga (năm học 2010 -2011)
(Danh sách kèm theo quyết định số 1063/QĐ-ĐHSP ngày 06/06/2011)

STT	Họ và tên		Mã SV	ĐTBHT	ĐRL	Mức học bổng	Số tiền
1	Huỳnh Mai	Phúc	K34.2.90702.017	84		240,000	1,200,000
2	Nguyễn Hữu Đăng	Khoa	K36.2.85702.009	72		240,000	1,200,000
3	Võ Thị Hồng	Đào	K36.3.20702.017	73		240,000	1,200,000
4	Đỗ Thị Thanh	Quý	K36.3.15702.028	95		240,000	1,200,000
5	Hà Đỗ Thanh	Thanh	K36.3.20702.030	77		240,000	1,200,000
6	Hoàng Thị Hồng	Trang	K36.2.90702.037	95		240,000	1,200,000
7	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	K36.2.80702.038	85		240,000	1,200,000
8	Phạm Lê Kim	Tuyến	K36.2.65702.045	79		240,000	1,200,000
9	Nguyễn Thị Thu	Hà	K35.7.74702.005	89		240,000	1,200,000
10	Đoàn Thị	Phượng	K35.7.38702.010	92		240,000	1,200,000

	Kim					
11	Lê Thị Thu	Thảo	K35.7.59 702.012	82	240,000	1,200,000
12	Hồ Lê	Na	K35.7.22 702.014	84	240,000	1,200,000
13	Tiêu Thị Thanh	Thiện	K33.8.39 702.026	84	300,000	1,500,000
14	Nguyễn Thị Thu	Thúy	K33.7.85 702.028	84	240,000	1,200,000
15	Nguyễn Thị Minh	Trang	K33.7.61 702.032	84	240,000	1,200,000
16	Nguyễn Hoàng	Yến	K33.7.70 702.038	92	240,000	1,200,000
17	Nguyễn Thị Thùy	Dung	K32.7.39 702.006	90	240,000	1,200,000
18	Huỳnh Thị Hồng	Khanh	K32.7.68 702.015	98	240,000	1,200,000
19	Dương	Mận	K32.7.71 702.017	84	240,000	1,200,000
20	Trần Thị Thu	Nga	K32.7.60 702,018	98	240,000	1,200,000
21	Lê Danh Bảo	Trân	K32.8.13 702.032	84	300,000	1,500,000
22	Nguyễn Thanh	Tùng	K32.8.03 702.034	94	300,000	1,500,000
23	Phạm T	Thảo	K36.2.50 752.	79	240,000	1,200,00

	hụy Thanh		012			0
24	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	K36.2.55 752.013	93	240,000	1,200,000
25	Trần Kim	Thoa	K36.3.15 752.014	85	240,000	1,200,000
26	Phan Thị	Hoa	K36.7.76 752.006	92	240,000	1,200,000
27	Nguyễn Hà Cẩm	Quân	K36.8.14 752.011	94	300,000	1,500,000
28	Nguyễn Thị	Thu	K36.8.41 752.013	90	300,000	1,500,000
29	Nguyễn Viễn	Thông	K36.7.16 752.035	84	240,000	1,200,000
30	Trần Như	Thủy	K36.7.84 752.037	84	240,000	1,200,000
31	Phạm Thị Mỹ	Dung	K32.7.29 752.004	84	240,000	1,200,000